TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 134 /2023/ST-HNGĐ
Ngày 25/9/2023
"V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG - TỈNH NGHỆ AN
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lữ Thị Dung
Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Hiền; Bà Trần Thị Hạnh
Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51 /2023/QĐXX-ST, ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Lô Thị T - sinh năm 1995** – có mặt.
- **Bị đơn: Anh Lô Văn H - sinh năm 1990** - vắng mặt.

Đều có đỉa chỉ: Bản T, xã Y, huyện C, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Lô Thị T trình bày: Chị Lô Thị T và anh Lô Văn H kết hôn vào ngày 27/5/2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện C, tỉnh Nghệ An, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H hay uống rượu, bạo lực gia đình, không quan tâm đến vợ, con, vợ chồng thường xuyên bất đồng, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mặc dù đã được gia đình hai bên nội ngoại hòa giải nhiều lần và hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng cuộc sống có quá nhiều mâu thuẫn. Chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và ly thân với anh H từ năm 2020 cho đến nay

không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Lô Thị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lô Văn H.
Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 03 người con chung Lô Văn X, sinh ngày 03/11/2012; Lô Văn K – sinh ngày 20/5/2015 và Lô Văn K1, sinh ngày 20/5/2018. Nếu ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi 03 người con chung và không yêu cầu anh Lô Văn H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.
Về tài sản chung: Chị Lô Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ tổ chức, cá nhân nào và cũng không ai nợ vợ chồng chị .
Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh Lô Văn H đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.
Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:
- Về tố tụng:
+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.
+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn ly hôn của chị Lô Thị Tuyệt . Buộc chị Lô Thị T và anh Lô Văn H chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; Về con chung: Giao 03 người con chung cho chị Lô Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung của vợ chồng chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, bị đơn hiện cư trú tại bản Trung hương, xã Y, huyện C, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Con Cuông thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị Lô Thị T và anh Lô Văn H tại UBND xã Y, huyện C cho biết, sau khi đăng ký kết hôn chị T và anh H sinh sống tại bản T, xã Y, huyện C, tỉnh Nghệ An, hiện tại anh H không có mặt ở địa phương

đi đâu chính quyền, địa phương không biết, anh H thỉnh thoảng mới về nhà, anh H không khai báo cắt khẩu tạm trú, tạm vắng. Tại biên bản lấy lời khai ông Lô Văn T1, Trú tại bản T, xã Y, huyện C là bố đẻ của anh Lô Văn H cho biết, sau khi anh H và chị T kết hôn thì sinh sống cùng gia đình ông đến năm 2014 thì hai vợ chồng làm nhà ra ở riêng, cuộc sống của hai vợ chồng không có gì mâu thuẫn, đến năm 2019 thì hai vợ chồng chị T và anh H đi làm ăn, quá trình đi làm không biết có xẩy ra mâu thuẫn gì mà không thấy con trai và con dâu về cùng nhau, hiện tại chị T bỏ về nhà bố mẹ sinh sống, còn anh H đi làm keo ở tỉnh Hà Tĩnh thỉnh thoảng có gọi điện về cho ông T1, còn địa chỉ cụ thể thì ông không biết, ông T1 mặc dù đã được nghe đọc lại biên bản lấy lời khai, xác nhận lời khai của ông là đúng sự thật nhưng không ký vào biên bản, cũng không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án đến tống đạt cho anh H nên Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại thôn bản nơi anh H cư trú và tại trụ sở UBND xã Y theo đúng quy định pháp luật.

Như vậy, bị đơn đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới. Theo quy định tại Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì được coi là cố tình che giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tụng chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lô Văn H đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Lô Văn H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lô Văn H không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy chị Lô Thị T và anh Lô Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 27/5/2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện C, tỉnh Nghệ An, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lô Thị T và anh Lô Văn H là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, như vậy chị T và anh H đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng.

Tại phiên tòa anh Lô Văn H vắng mặt không có ý kiến trình bày nhưng qua xác minh tại địa phương cho biết: Quá trình kết hôn và chung sống vợ chồng chị T và anh H có nhiều mâu thuẫn, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và ly thân với anh H từ năm 2020 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện tại anh H không có mặt ở địa phương đi đâu chính quyền, địa phương không biết vì anh H không khai báo cắt khẩu tạm trú, tạm vắng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Lô Thị T và anh Lô Văn H không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện, cho chị Lô Thị T được ly hôn với anh Lô Văn H.

Về con chung: Vợ chồng chị Lô Thị T và anh Lô Văn H có 03 người con chung Lô Văn X, sinh ngày 03/11/2012; Lô Văn K – sinh ngày 20/5/2015 và Lô Văn K1, sinh ngày 20/5/2018. Nếu ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi 03 người con chung và không yêu cầu anh Lô Văn H phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Do hiện nay anh H không có mặt ở địa phương, việc giao con cho anh H nuôi dưỡng là không đảm bảo điều kiện về mọi mặt của con. Xét thấy nguyện vọng của chị Lô Thị T là chính đáng, các cháu L văn X ,Lô Văn K đều có nguyện vọng mong muốn sinh sống cùng mẹ, cháu Lô Văn K1 đang còn nhỏ để đảm bảo quyền lợi của các con nên xét giao 03 người con chung cho chị Lô Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi,trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Lô Thị T và anh Lô Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Lô Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Lô Thị Tuyệt .

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lô Thị T được ly hôn với anh Lô Văn H. Chị Lô Thị T và anh Lô Văn H chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao 03 người con chung Lô Văn X, sinh ngày 03/11/2012; Lô Văn K – sinh ngày 20/5/2015 và Lô Văn K1, sinh ngày 20/5/2018, cho chị Lô Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi, trưởng thành. Anh Lô Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng

nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Chị Lô Thị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lô Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0000950 ngày 12/7/2023.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NA;
- *VKSND huyện Con Cuông;*
- *Chi cục THADS huyện Con Cuông;*
- *Nguyên đơn, bị đơn;*
- *UBND xã Y;*
- *Lưu hồ sơ -VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Lữ Thị Dung